

Bản án số: 523/2022/HS-PT

Ngày: 21/7/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực;

Ông Ngô Tự Học.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Ngọc Vỹ, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 268/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Vũ Tiến D bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Vũ Tiến D, sinh năm 1963; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ dân phố Liên N, phường Đông N, quận Bắc Từ L, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tham gia Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Vũ Gia H (đã chết); con bà: Phạm Thị X (đã chết); vợ Nguyễn Thị S; con: có 03 con; lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2020 đến ngày 23/10/2020; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Ngoài ra vụ án còn có các bị cáo Vũ Tuấn N, Phạm Văn T, Vũ Gia H1, Hoàng Thế T1, Lê Văn C không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2002, Vũ Tiến D (sinh năm 1963; trú tại tổ dân phố Liên N, phường Đông N, Bắc Từ L, Hà Nội) được Hợp tác xã Liên T, xã Đông N, huyện Từ L, Hà Nội (nay là phường Đông N, quận Bắc Từ L, Hà Nội) giao cho phần đất nằm dọc sông H có chiều dài tương ứng từ km 55 + 973 đến km 56 + 006, có diện tích khoảng 2000m² ở dọc bờ sông H thuộc địa phận phường Đông N, quận Bắc Từ L, Hà Nội để làm bãi tập kết và trung chuyển vật liệu xây dựng. Năm 2015, D mua 01 tàu thủy nội địa HN-0753 (đăng ký ngày 13/8/2007 tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội) có thể tích khoang chứa hàng khoảng 191.8m³ của Công ty Cổ phần Phúc L (có địa chỉ tại tổ Gia T, phường Ngọc T, quận Long B, Hà Nội) và 01 tàu thủy nội địa HD-0337 (đăng ký ngày 28/4/2008 tại Sở Giao thông vận tải tỉnh Hải Dương) có thể tích khoang chứa hàng khoảng 256m³ của chị Trần Thị T2 (sinh năm 1965; trú tại xã Ngũ P, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương) để đi mua cát về tập kết tại bãi vật liệu của D để bán lại kiếm lời. Sau khi D mua tàu HN-0753 thì có Lê Văn C (sinh năm 1971; trú tại thôn Quảng Đ, xã Ngũ P, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương) xin được chung vốn với D làm ăn nên D đồng ý cho C góp 400.000.000 đồng (trên số tiền mua tàu là 1.000.000.000 đồng) và giao cho C quản lý, khai thác tàu. Đồng thời, D giao tàu HD-0037 cho Vũ Tuấn N (sinh năm 1972; trú tại thôn Cam L, xã Tân V, huyện Thanh H, tỉnh Hải Dương) quản lý, khai thác. Sau một thời gian sử dụng, việc đi mua cát về bán không mang lại nhiều doanh thu nên D đã bán lại tàu HN-0753 cho Công ty Phúc L; sau đó Công ty Phúc L bán lại cho ông Nguyễn Hoài T3 (sinh năm 1963; trú tại tổ dân phố Liên N, phường Đông N, quận Bắc Từ L, Hà Nội); D bán tàu HD-0337 cho ông Nguyễn Văn Q (sinh năm 1969; trú tại phường Đông N, quận Bắc Từ L, Hà Nội).

Đến tháng 3/2019, do kinh doanh không có lãi nên D đã thuê lại các tàu thủy nội địa trên rồi lắp đặt thêm hệ thống hút cát vào tàu HN-0753 và tàu HD-0337 rồi giao cho C và N đi khai thác cát trái phép. C tự gắn biển HN-0735 để sử dụng. Do mới bắt đầu khai thác và vừa làm vừa thăm dò nên D chỉ đạo C và N chỉ khai thác nhỏ, lẻ và bán sang mạn cho các tàu thu mua lẻ trên sông. D thỏa thuận với C, N như sau: D sẽ giao toàn bộ tàu hút cát cho C, N để C và N tự quản lý, thuê người vận hành việc hút cát tại khu vực sông H. D bán cát sang mạn là 10.000 đồng/m³. Do hai tàu trên đã cũ không thể chở cát đầy khoang tàu và cát khai thác còn chứa nhiều nước nên D, C và N thỏa thuận tàu của C là 150m³, tàu của N là 180m³. C được hưởng 600.000 đồng/chuyến, N hưởng 800.000 đồng/chuyến. Thời điểm này, việc khai thác cát được thanh toán trực tiếp, không ghi sổ sách và không khai thác thường xuyên nên D, C, N không nhớ được số chuyến và số tiền thu lời bất chính.

Sau một thời gian, thấy việc khai thác cát trái phép thuận lợi nên đến đầu năm 2020, D tiếp tục thuê 01 tàu NB-6387 (đăng ký ngày 25/4/2011 tại Sở giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình) có thể tích khoang chứa hàng khoảng 256m³ của

ông Ngô Duy H2 (sinh năm 1964; trú tại phường La K, quận Hà Đ, Hà Nội) và lắp đặt thêm hệ thống hút cát rồi giao cho Phạm Văn T (sinh năm 1977; trú tại thôn Quảng Đ, xã Ngũ P, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương) vận hành, khai thác cát trái phép tại khu vực sông H về tập kết tại bãi vật liệu của D. T gắn biển NB-1486 để sử dụng và thống nhất với D tàu có khối lượng cát khai thác là 200m³. D thỏa thuận với C, N và T như sau: D sẽ giao toàn bộ tàu hút cát cho C, N, T để C, N và T tự quản lý, thuê người vận hành việc hút cát tại khu vực sông H. Mỗi chuyến tàu hút cát bơm về bãi của D, D sẽ trả cho C 800.000 đồng, N 1.000.000 đồng và T 1.000.000 đồng còn mọi chi phí vận hành, bảo dưỡng tàu là do D chịu. C cùng N và T đều đồng ý.

D thuê Hoàng Thế T1 (sinh năm 1958; trú tại tổ dân phố Liên N, phường Đông N, quận Bắc Từ L, Hà Nội), Vũ Gia H1 (sinh năm 1960; trú tại số 20, ngách 107/23 phố Kẽ V, tổ dân phố Liên N, phường Đông N, quận Bắc Từ L, Hà Nội) và một đối tượng tên là T4 (người ở tỉnh Vĩnh Phúc, hiện không xác định được nhân thân) là người quản lý, ghi chép việc các tàu hút cát bơm lên bãi và những xe ô tô đến mua cát. Khi có tàu bơm cát lên bãi, Thế T4, H1 hoặc đối tượng T4 sẽ là người ghi sổ tùy theo ca của mình. D trả công cho T4, H1, B là 5.000.000 đồng/tháng. Trên cơ sở sổ ghi, D sẽ trả tiền công cho C, N và T. Trong 02 ngày 04/5/2020 và 05/5/2020, do đối tượng T4 nghỉ nên D đã bảo Hoàng Văn B (sinh năm 1963; trú tại tổ dân phố Liên N, phường Đông N, quận Bắc Từ L, Hà Nội) là nhân viên bảo vệ quản lý việc các tàu khai thác cát trái phép tập kết về bến. D thuê các anh Phạm Ngọc H2 (sinh năm 1981; trú tại thôn Tổ dân phố số 1, phường Phúc D, Bắc Từ L, Hà Nội), anh Lê Văn M (sinh năm 1984; trú tại Cụm 9, thôn Tiên T, xã Hồng H, Đan P, Hà Nội) và anh Chu Thời T5 (sinh năm 1991; trú tại xã Đồng T, huyện Ba V, Hà Nội) để lái máy xúc cát.

C cùng N và T bắt đầu khai thác cát từ ngày 01/01/2020. Việc khai thác cát được theo dõi bằng sổ ghi cụ thể. Mỗi chuyến tàu bơm cát về bãi, C, N, T đều gọi điện báo với H1, T4, B để các đối tượng ghi vào sổ theo dõi và chốt số liệu. Do cát khai thác tại khu vực sông H thuộc địa phận phường Đông N, quận Bắc Từ L là cát xấu, lẫn nhiều tạp chất nên chỉ có thể làm san lấp, không xây, trát được nên D bán cho khách lẻ với giá từ 20.000 đồng đến 30.000 đồng/01m³ trả tiền mặt ngay và không vào sổ theo dõi để tránh sự theo dõi của các cơ quan chức năng.

Khoảng 02 giờ 10 phút ngày 26/5/2020, khi Lê Văn C và Nguyễn Đình Đ (sinh năm 1972; trú tại thôn Vạn T, xã Tân V, huyện Thanh H, tỉnh Hải Dương) là người được N thuê làm đang cùng N bơm cát từ khoang chứa của tàu HN-0753 và HD-0337 lên bãi cát của D tại bờ phải sông H thuộc địa phận phường Đông N, quận Bắc Từ L, Hà Nội thì bị Tổ công tác thuộc Công an thành phố Hà Nội phát

hiện, bắt quả tang. Kiểm tra trong khoang chứa hàng của tàu HN-0753 có 62,2m³ cát đen và trong khoang chứa hàng của tàu HD- 0337 có 68m³ cát đen.

Ngày 29/5/2020, Vũ Tiến D đã đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hà Nội đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Ngày 31/5/2020, Vũ Gia H1 cùng Hoàng Thế T1, Lê Văn C, Vũ Tuấn N, Phạm Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. T4 tự nguyện giao nộp 01 quyển sổ mà các đối tượng ghi, theo dõi số tàu cát của C, N và T khai thác cát trái phép từ ngày 01/01/2020 đến ngày 24/5/2020 và các quyển sổ mà D bán cát cho khách lẻ từ năm 2018 đến ngày bị bắt và 27 quyển sổ ghi việc D đi mua cát về bán từ năm 2018 đến ngày bị phát hiện, bắt giữ.

Ngày 12/6/2020, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ tàu NB-6387 của T khi T đang cho neo đậu tại bến đò của anh Đặng Văn T6 tại xóm 6, thôn Quảng Đ, xã Ngũ P, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương.

Ngày 30/5/2020, Lê Văn C cùng Nguyễn Đình Đ, Phạm Văn T và Vũ Tuấn N đã chỉ vị trí tập kết cát khai thác trái phép trên khu bãi vật liệu xây dựng của D. Tại biên bản đo đạc hiện trường ngày 30/5/2020 của Công ty Cổ phần đo đạc và xây dựng quốc tế trên bãi vật liệu của Vũ Tiến D ở tổ dân phố Đông N 1, phường Đông N, quận Bắc Từ L, Hà Nội, xác định: Trên bãi cát đen tại hiện trường đo được khối lượng là 15.935,2 m³. Tại hiện trường còn có bãi cát vàng có khối lượng là 825,2 m³ và bãi đá có khối lượng là 112,4 m³.

Căn cứ vào sổ theo dõi tàu hút cát của D xác định: Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 24/5/2020, tàu của C hút được 86 chuyến x 150m³ = 12.900m³; tàu của N được 146 chuyến x 180m³ = 26.280m³; tàu của T hút được 137 chuyến x 200m³ = 27.400m³. Tổng khối lượng cát tàu của C, N và T khai thác từ ngày 01/01/2020 đến ngày 24/05/2020 là 66.580m³.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ của D 04 máy xúc Biển kiểm soát 29XA-0824; 29XA-0825; 29XA-0894 và 29XA-0876.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 98/KLHĐTS ngày 05/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Bắc Từ L, kết luận: "... 15.935,2m³ x 56,200 đồng/m³, có tổng giá trị là 895.558.240 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 97/KLHĐTS ngày 05/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Bắc Từ L, kết luận: "... 68m³ cát đen có trong khoang tàu gắn số HD-0337 có tổng giá trị là 3.821.600 đồng; 62,2m³ cát đen có trong khoang tàu gắn số HN-0753 có tổng giá trị là 3.495.640 đồng. Tổng giá trị là 7.317.240 đồng."

Như vậy, từ ngày 01/01/2020 đến ngày 24/5/2020, Vũ Tiến D đã khai thác trái phép $66.710,2\text{m}^3$ cát ($66.580\text{m}^3 + 68\text{m}^3 + 62.2\text{m}^3$) có tổng giá trị là 3.749.113.240 đồng. D đã bán tổng cộng $50.644,8\text{m}^3$ còn lại $15.935,2\text{m}^3$ ở trên bãi vật liệu của D.

Kết quả thí nghiệm cốt liệu nhỏ - cát của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Hà Nội Thăng L ngày 04/6/2020 xác định: Cát tại bãi vật liệu của D và tại phương tiện gắn số đăng kiểm HN 0735 và HD 0037 là Cát đạt yêu cầu dùng cho vữa - bê tông theo tiêu chuẩn TCVN7570-2006.

Đối với 27 quyển sổ mà Cơ quan điều tra thu giữ: Đây là những sổ D sử dụng theo dõi khách lẻ từ năm 2018 với cát đen mịn dùng để xây, trát. Sổ cát này là D đi mua tại các đại lý bán vật liệu xây dựng về để bán lại. Do năm 2019, D mới chỉ đạo C, N đi khai thác sang mạn và nhỏ lẻ nên số lượng ít. D không nhớ đã khai thác được tổng cộng bao nhiêu chuyến và được hưởng lợi bao nhiêu tiền. Đối với sổ cát khai thác năm 2020, trừ đi chi phí trả công cho C, N, T; chi phí thuê công nhân, thuê tàu, thuê máy xúc, hao hụt... D thu lời từ 2.000 đồng đến 3.000 đồng/ m^3 . Tổng số tiền D thu lời bất chính khoảng 120.000.000 đồng. Số tiền D trả công hàng tháng cho T4 và H1, T4 và H1 đã ăn tiêu hết.

Lê Văn C khai thác trái phép là $12.962,2\text{m}^3$ ($12.900\text{m}^3 + 62.2\text{m}^3$) có giá trị 728.475.640 đồng. Tiền công C khai thác cát trái phép cho D là 68.800.000 đồng, trừ chi phí ăn uống, sinh hoạt trong 05 tháng thì C được hưởng 38.000.000 đồng.

Vũ Tuấn N khai thác trái phép 26.348m^3 ($26.280\text{m}^3 + 68\text{m}^3$) có giá trị 1.480.757.600 đồng. Trong đó, N cùng Nguyễn Đình Đ (sinh năm 1972; trú tại thôn Vạn T, xã Tân V, huyện Thanh H, Hải Dương) khai thác khoảng 35 chuyến tương đương 6.300m^3 có giá trị 354.600.000 đồng. Số còn lại là N thuê nhân công vắng lai. Đại được N trả công số tiền 17.500.00 đồng và đã ăn tiêu hết. N thu lời bất chính số tiền 43.500.000 đồng.

Phạm Văn T khai thác trái phép khai thác trái phép 27.400m^2 có giá trị 1.539.880.000 đồng. Trong đó, T cùng Trần Văn H4 (sinh năm 1958; trú tại Đội 6, xã Ngũ P, huyện Kim T, Hải Dương) khai thác khoảng 38 chuyến tương đương 7.600m^3 có giá trị 427.120.000 đồng. Số còn lại là T thuê nhân công vắng lai. H4 được T trả công 4.000.000 đồng và đã ăn tiêu hết. T thu lời bất chính số tiền 53.500.000 đồng.

Đối với Hoàng Văn B, trong 02 ngày từ 04/5/2020 và ngày 05/5/2020, B đã quản lý 19 chuyến tàu hút cát trái phép với tổng khối lượng 3.300m^3 có giá trị 187.146.000 đồng.

Do số lượng cát khai thác trái phép của B, Đ, H chưa đến mức để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hà Nội đã có

Công văn số 656/PC02-Đ3 ngày 05/12/2021 gửi Phòng Cảnh sát giao thông thẩm định hồ sơ để xử phạt hành chính.

Đối với hành vi lái tàu không có bằng hoặc chứng nhận khả năng chuyên môn theo quy định của Lê Văn C, Vũ Tuấn N và Vũ Văn T, Cơ quan điều tra đã có Công văn số 656/PC02-Đ3 ngày 05/02/2021 gửi Phòng Cảnh sát giao thông, Công an thành phố Hà Nội thẩm định hồ sơ để xử phạt hành chính đối với C, N, T

Đối với những người lái máy xúc là anh Phạm Ngọc H2 (sinh năm 1981; trú tại thôn Tổ dân phố số 1, phường Phúc D, Bắc Từ L, Hà Nội), anh Lê Văn M (sinh năm 1984; trú tại Cụm 9, thôn Tiên T, xã Hồng H, Đan P, Hà Nội) và anh Chu Thời T5 (sinh năm 1991; trú tại xã Đồng T, huyện Ba V, Hà Nội) quá trình lái máy xúc không biết việc D khai thác cát trái phép nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với H, anh M và anh T là có căn cứ.

Đối với 04 máy xúc do Cơ quan điều tra tạm giữ của Vũ Tiến D, kết quả điều tra xác định D đã thuê lại của ông Nguyễn Văn Q và ông Nguyễn Hoài T3. Ông Q và ông T3 không liên quan đến việc khai thác cát trái phép của D nên Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại các máy xúc trên cho ông Q và ông T33 .

Đối với 03 chiếc tàu hút cát HN-0753 (đăng ký ngày 13/8/2007 tại Sở giao thông vận tải Hà Nội), tàu HD-0037 (đăng ký ngày 28/4/2008 tại Sở Giao thông vận tải tỉnh Hải Dương) và tàu NB-6387 (đăng ký ngày 25/4/2011 tại Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định ông Nguyễn Hoài T3, Ngô Duy H2 và Nguyễn Văn Q là chủ sở hữu hợp pháp. Ông T3, ông H2 và ông Q xuất trình được các đăng ký tàu và các hợp đồng, hóa đơn liên quan. Biên bản kiểm tra hiện trạng tàu xác định các thông số kỹ thuật, động cơ đúng như trong Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. Tuy nhiên, do kết luận giám định xác định số khung, số máy của ba phương tiện trên không phải là số khung số máy nguyên thủy nên Cơ quan điều tra đã tách phần hồ sơ liên quan đến ba phương tiện nêu trên để xác minh, xử lý sau.

Đối với hành vi buông lỏng quản lý của các cấp có thẩm quyền, sau khi nhận được các văn bản yêu cầu của Cơ quan điều tra, Công an thành phố Hà Nội, các cấp có thẩm quyền đã có những chỉ đạo, kiểm điểm kỷ luật đối với các đơn vị, cán bộ để xảy ra vi phạm trong lĩnh vực mình phụ trách.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ: Điều 45, 46, 260, 268, 269, 299, 326, 327 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

T4 bổ các bị cáo Vũ Tiến D, phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Áp dụng điểm điểm b khoản 2 Điều 227, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Vũ Tiến D 18 (Mười tám) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2020 đến ngày 23/10/2020.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Vũ Tuấn N, Phạm Văn T, Hoàng Thế T1, Vũ Gia H1 và Lê Văn C, trách N dân sự, xử lý vật chứng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Ngày 18/01/2022, bị cáo Vũ Tiến D có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt, được hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vũ Tiến D giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo trình bày: Bản thân bị cáo đã gần 60 tuổi, sức khỏe không tốt, có nhân thân tốt chưa vi phạm pháp luật lần nào; quá trình điều tra bị cáo đã nhận thực được hành vi vi phạm của mình và thể hiện ăn năn, hối cải. Sau khi bị xét xử sơ thẩm bị cáo tiếp tục giúp cơ quan công an giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương, cung cấp thông tin giúp cơ quan điều tra công an thành phố Hà Nội bắt đối tượng có lệnh truy nã, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm cho mình và cho các bị cáo khác trong cùng vụ án và tích cực tham gia đóng góp vào công tác phòng chống dịch Covid tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về vụ án:

Tại bản án sơ thẩm số 15/2022/HS-ST ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xử phạt bị cáo 18 tháng tù; kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nội dung xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo cần được chấp nhận để xét.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các bị cáo khác phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Có đủ căn cứ xác định hành vi khai thác tài nguyên trái phép như bản án sơ thẩm đã xác định. Cụ thể hành vi của bị cáo trong vụ án này đã khai thác trái phép tài nguyên có giá trị 3,7 tỷ đồng, qua đó thu lời bất chính 120 triệu đồng. Trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp đủ số tiền thu lời bất chính xung quỹ nhà nước là thể hiện sự ăn năn hối cải.

Tại bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng, đủ các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 và Điều 54 để phạt bị cáo 18 tháng tù là phù hợp quy định. Sau phiên tòa sơ thẩm bị cáo tiếp tục thể hiện sự ăn năn hối cải. Cụ thể tiếp tục cung cấp thông tin giúp cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội bắt được

đối tượng Đào Quang T7, sinh năm 1984 đang bị truy nã theo Quyết định số 09 ngày 07/02/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội. Ngoài ra việc bị cáo nộp số tiền thu lời bất chính lớn vào ngân sách lễ ra cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 cho bị cáo mới đúng nH1 tại bản án sơ thẩm chỉ áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo còn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho mình và cho các bị cáo khác trong cùng vụ án. Vì vậy, đề nghị khi áp dụng khoản 2 Điều 51 cần nhấn mạnh tính chất để xem xét. Qua đó có đủ căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo để giảm nhẹ thêm cho bị cáo một phần hình phạt từ 05 đến 06 tháng tù. Do số lượng tài nguyên bị cáo khai thác trái phép lớn, thu lời bất chính lớn, bị cáo là người chủ mưu, phạm tội trong thời gian dài nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Nghiên cứu hồ sơ vụ án, kết quả quá trình điều tra, bản án sơ thẩm và xem xét đơn kháng cáo cũng như lời khai của bị cáo đồng thời thông qua kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá và nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Tiến D làm trong hạn nên được chấp nhận để xem xét.

Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đều đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự không có khiếu nại.

Tại phiên tòa bị cáo nộp thêm tài liệu có xác nhận của Cơ quan Cảnh sát điều tra về việc D cung cấp thông tin giúp cơ quan công an bắt đối tượng Đào Quang T7, sinh năm 1984 đang bị truy nã theo quyết định số 09 ngày 07/02/2022 của Cơ quan CSĐT công an thành phố Hà Nội, bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm cho mình và một số bị cáo bị xét xử trong cùng vụ án nH1 không có kháng cáo; đây là tình tiết mới được chấp nhận để xét.

[2]. Về nội dung, xét kháng cáo của bị cáo Vũ Tiến D:

[2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã xác định là đúng, không oan. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác có trong hồ sơ, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định:

Vũ Tiến D đã thuê nhiều tàu thủy có gắn các thiết bị hút cát để khai thác cát trái phép tại khu vực sông H thuộc địa phận phường Đông N, quận Bắc Từ L, Hà Nội đem bán kiếm lời. Từ ngày 01/01/2020 D đã thuê tàu 01 tàu thủy nội địa HN-0753 (đăng ký ngày 13/8/2007 tại Sở giao thông Hà Nội) của ông Nguyễn Hoài T3; tàu HD-0337 của ông Nguyễn Văn Q và tàu NB-6387 (đăng ký ngày 25/4/2011 tại Sở giao thông vận tải Ninh Bình) của ông Ngô Duy H2 rồi lắp các thiết bị hút cát rồi giao cho Lê Văn C, Vũ Tuấn N và Phạm Văn T đi khai thác cát

trái phép tại khu vực sông H rồi tập kết về bãi vật liệu xây dựng của D thuộc địa phận phường Đông N, quận Bắc Từ L, Hà Nội. D thuê Hoàng Thế T1 và Vũ Gia H1 quản lý số các chuyến tàu hút cát của C, N, T bơm lên bãi vật liệu của mình. Khoảng 02 giờ 10 phút ngày 26/5/2020, khi Lê Văn C và Nguyễn Đình Đ (là người làm thuê cho Vũ Tuấn N) đang bơm cát từ khoang chứa của tàu HN-0753 và HD-0037 lên bãi cát của D thì bị tổ công tác của Công an thành phố Hà Nội phát hiện, bắt giữ. Kết quả điều tra xác định từ ngày 01/01/2020 đến ngày 26/5/2020, C khai thác trái phép 12.962,2m³ cát có giá trị là 728.475.640 đồng, thu lời bất chính 38.000.000 đồng; Vũ Tuấn N khai thác trái phép 26.348m³ cát có giá trị 1.480.757.600 đồng, thu lời bất chính 43.500.000 đồng; Phạm Văn T khai thác trái phép 27.400m³ cát có giá trị 1.539.880.000 đồng, thu lời bất chính 53.500.000 đồng; Vũ Tiến D khai thác trái phép 66.710,2m³ cát, có giá trị 3.749.113.240 đồng, thu lời bất chính 120.000.000 đồng; Hoàng Thế T1 và Vũ Gia H1 đồng phạm với D trong việc khai thác cát trái phép.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định hành vi của các bị cáo Vũ Tiến D, Vũ Tuấn N, Phạm Văn T, Hoàng Thế T1, Vũ Gia H1 và Lê Văn C đã phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Sau khi bị T4 phạt thì chỉ có bị cáo Vũ Tiến D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, các bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Tiến D, thấy: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đánh giá: hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý về khai thác tài nguyên của nhà nước. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Theo đó, đối với Vũ Tiến D, bị cáo vừa là người khởi xướng, vừa là người thực hành, thực hiện hành vi phạm tội trong khoảng thời gian dài, số lượng cát khai thác, số tiền thu lời lớn nên được xác định là vai trò cao nhất và phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung là đúng. Khi quyết định hình phạt, đã áp dụng đủ các tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; đã từng tham gia quân đội; đã nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính; gia đình có bố để được tặng huân chương kháng chiến hạng nhất, huy hiệu 30 năm tuổi Đảng; bản thân là hội viên Hội cựu chiến binh; năm 2016 đã tích cực giúp Cơ quan công an quận Bắc Từ L truy bắt tội phạm; để áp dụng điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 54 Bộ luật Hình sự và phạt bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là đã phù hợp.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm tài liệu về việc bị cáo tiếp tục cung cấp thông tin giúp cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội bắt được đối tượng Đào Quang T7, sinh năm 1984 đang bị truy nã

theo quyết định số 09 ngày 07/02/2022 của Cơ quan CSĐT công an thành phố Hà Nội; đây là tình tiết mới cần được chấp nhận để xem xét giảm nhẹ thêm hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra việc bị cáo nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính là 120 triệu đồng vào ngân sách nhà nước lẽ ra cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 cho bị cáo mới đúng NH1 tại bản án sơ thẩm chỉ áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS nên cần xem xét thêm, bị cáo còn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho mình và cho các bị cáo khác trong cùng vụ án cũng là thể hiện sự tiếp tục ăn năn hối cải. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[2.3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Vũ Tiến D: Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xác định vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Vũ Tiến D vừa là người khởi xướng, vừa là người thực hành, thực hiện hành vi phạm tội trong khoảng thời gian dài, số lượng cát khai thác, số tiền thu lời lớn nên được xác định là vai trò cao nhất và phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung là đúng. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

[3]. Về án phí: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận một phần, không phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

[4]. Về quyết định khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Vũ Tiến D;
2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 371/2021/HSST ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Tuyên bố bị cáo Vũ Tiến D, phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Vũ Tiến D 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2020 đến ngày 23/10/2020.

3. Án phí: Bị cáo Vũ Tiến D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Xác nhận bị cáo Vũ Tiến D đã nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 0064279 ngày 12/5/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Xác nhận bị cáo Vũ Gia H1 (do bị cáo Vũ Tiến D nộp thay) đã nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 0064298 ngày 12/5/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Xác nhận bị cáo Vũ Tuấn N (do bị cáo Vũ Tiến D nộp thay) đã nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 0064055 ngày 12/5/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Xác nhận bị cáo Phạm Văn T (do bị cáo Vũ Tiến D nộp thay) đã nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 0064054 ngày 12/5/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Xác nhận bị cáo Hoàng Thế T1 (do bị cáo Vũ Tiến D nộp thay) đã nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 0064299 ngày 12/5/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Xác nhận bị cáo Lê Văn C (do bị cáo Vũ Tiến D nộp thay) đã nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 0064300 ngày 12/5/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vũ Đông

